NHANH HƠN - CHÍNH XÁC HƠN - KHÁC BIỆT

DANH SÁCH CÁC GÓI SIM VIETTEL IoT HIỆN TẠI

STT	Mục đích SD	Chu kỳ	Gói cước	Phí hoà mạng	Phí gói	Chính sách
1	Camera GSHT	30 ngày	M2M20T	50.000	20.000	Không giới hạn lưu lượng tốc độ 128/128 Kbps LL chỉ truy cập đến IP theo danh sách
2	Camera GSHT	30 ngày	M2M50T	50.000	50.000	30 GB/30 ngày, hết bóp băng thông 256Kbps. LL chỉ truy cập đến IP theo danh sách
3	Camera GSHT	30 ngày	M2M70T	50.000	70.000	50 GB/30 ngày, hết bóp băng thông 256 Kbps. LL chỉ truy cập đến IP theo danh sách
4	Camera GSHT	30 ngày	M2M120T	50.000	120.000	100 GB tốc độ cao, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách
5	Camera GSHT	30 ngày	M2M200T	50.000	200.000	200 GB tốc độ cao, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách
6	Camera GSHT	30 ngày	M2M250T	50.000	250.000	300 GB tốc độ cao, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách
7	Camera GSHT	30 ngày	M2M300T	50.000	300.000	400 GB tốc độ cao, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách
8	Camera GSHT	180 ngày	6M2M120T	50.000	720.000	600 GB tốc độ cao trong 180 ngày, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách
9	Camera GSHT	180 ngày	6M2M200T	50.000	1.200.000	1200 GB tốc độ cao trong 180 ngày, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách
10	Camera GSHT	180 ngày	6M2M250T	50.000	1.500.000	1800 GB tốc độ cao trong 180 ngày, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách
11	Camera GSHT	180 ngày	6M2M300T	50.000	1.800.000	2400 GB tốc độ cao trong 180 ngày, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách
12	Camera GSHT	360 ngày	12M2M120T	50.000	1.440.000	1200 GB tốc độ cao trong 360 ngày, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách
13	Camera GSHT	360 ngày	12M2M200T	50.000	2.400.000	2400 GB tốc độ cao trong 360 ngày, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách
14	Camera GSHT	360 ngày	12M2M250T	50.000	3.000.000	3600 GB tốc độ cao trong 360 ngày, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách
15	Camera GSHT	360 ngày	12M2M300T	50.000	3.600.000	4800 GB tốc độ cao trong 360 ngày, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách
16	Đo điện	tháng	M2M30	60.000	10.000	không giới hạn lưu lượng tốc độ 64/64. Thoại Chặn SMS nội mạng 200đ/sms; ngoại mạng: 250đ/sms; quốc tế: 2500đ/sms

						chính sách riêng ngành điện là 10K/tháng
17	Đo điện	tháng	EVN_20	60.000	20.000	Cước thuê bao:20000đ; Lưu lượng data:500MB, hết lưu lượng tốc độ cao bóp về 128/128Kbps, không tính phí vượt lưu lượng; Thoại:Chặn; SMS: chặn đi/mở đến
18	Đo điện	tháng	EVN_30	60.000	30.000	Cước thuê bao:30000đ; Lưu lượng data:1GB, hết lưu lượng tốc độ cao bóp về 128/128Kbps, không tính phí vượt lưu lượng; Thoại:Chặn; SMS: chặn đi/mở đến
19	Đo điện	tháng	EVN_70	60.000	70.000	Cước thuê bao:70000; Lưu lượng data:3GB, hết lưu lượng tốc độ cao bóp về 128/128Kbps, không tính phí vượt lưu lượng; Thoại:Chặn; SMS: chặn đi/mở đến
20	Đo điện	tháng	EVN_100	60.000	100.000	Cước thuê bao:100000đ; Lưu lượng data:5GB, hết lưu lượng tốc độ cao bóp về 128/128Kbps, không tính phí vượt lưu lượng; Thoại:Chặn; SMS: chặn đi/mở đến
21	Đo nước	60 tháng	M2M3	50.000	275.000	250.000đ/60 tháng. Mỗi tháng có 30MB LL TĐC, hết bóp băng thông 128
22	NBIOT	180 ngày	6NBIOT	50.000	60.000	Không giới hạn lưu lượng băng thông 50/50Kbps, truy cập hạ tầng NBIOT Miễn phí 10 SMS nội mạng/30 ngày.
23	NBIOT	360 ngày	12NBIOT	50.000	120.000	Không giới hạn lưu lượng băng thông 50/50Kbps, truy cập hạ tầng NBIOT Miễn phí 10 SMS nội mạng/30 ngày.
24	NBIOT	tháng	NBIOT_8S	60.000	8.000	Không giới hạn lưu lượng băng thông 50Kbps/50Kbps (truy cập hạ tầng NBIOT) 10sms nội, hết tính cước 200đ/sms nội, 250đ/sms ngoại, 2500đ/sms quốc tế
25	NBIOT	tháng	NBIOT_10	60.000	10.000	ü Data: Không giới hạn lưu lượng tốc độ 50/50Kbps. ü Thoại: Chặn thoại chiều đi, mở thoại chiều đến ü SMS: Chặn đi, mở đến
26	NBIOT	tháng	NBIOT_100	60.000	100.000	ü Data: Không giới hạn lưu lượng tốc độ 50/50Kbps. ü Thoại: Chặn thoại chiều đi, mở thoại chiều đến ü SMS: Chặn đi, mở đến
27	Tracking	30 ngày	Dbiz10	50.000	10,000	Có 50MB/tháng tốc độ 64/64, hết 50MB tính cước 2.5đ/10KB, tốc độ duy trì 64/64. SMS: SMS nội mạng: 200đ/sms SMS trong nước: 250đ/sms SMS quốc tế: 2.500đ/tin Thoại chặn đi mở đến
28	Tracking	tháng	Dbiz10TS	60.000	10,000	Có 50MB/tháng tốc độ 64/64, hết 50MB tính cước 2.5đ/10KB, tốc độ duy trì 64/64. SMS: SMS nội mạng: 200đ/sms SMS trong nước: 250đ/sms SMS quốc tế: 2.500đ/tin

						Thoại chặn đi mở đến
29	Tracking	30 ngày	DBIZ15TT	50.000	15,000	có 50MB tốc độ 128, hết tính 60đ/MB Thoại:Chặn SMSNội mạng: 200đ/sms, Ngoại mạng: 250đ/sms, Quốc tế:2.500đ/sms
30	Tracking	tháng	DBI15	60.000	15,000	có 50MB tốc độ 128, hết tính 60đ/MB Thoại:Chặn SMSNội mạng: 200đ/sms, Ngoại mạng: 250đ/sms, Quốc tế:2.500đ/sms
31	Tracking	tháng	M2M20TS	60.000	20,000	Lưu lượng data:100MB tốc độ 128/128; Cước vượt lưu lượng 60d/MB Thoại:Chặn SMSNội mạng: 200đ/sms, Ngoại mạng: 250đ/sms, Quốc tế:2.500đ/sms
32	Tracking	30 ngày	M2M20TT	50.000	20,000	Lưu lượng data:100MB tốc độ 128/128; Cước vượt lưu lượng 60d/MB; Thoại:Chặn SMSNội mạng: 200đ/sms, Ngoại mạng: 250đ/sms, Quốc tế:2.500đ/sms
33	Tracking	tháng	M2M40	60.000	40,000	không giới hạn lưu lượng tốc độ 64/64. (đăng ký tối đa 300MB) Thoại Chặn có 50 SMS nội mạng, hết tính SMS nội mạng 200đ/sms; ngoại mạng: 250đ/sms; quốc tế: 2500đ/sms chính sách riêng ngành điện là 10K/tháng
34	Tracking	30 ngày	M2M50TT	50.000	50,000	450MB/tháng , hết tính cước 9.76đ/50KB Thoại: chặn SMS chặn
35	Tracking	tháng	M2M50TS	60.000	50,000	450MB/tháng , hết tính cước 9.76đ/50KB Thoại: chặn SMS chặn
36	Tracking	tháng	M2M70	60.000	70,000	Thuê bao tháng 70.000đ có 600mb/tháng miễn phí, hết 600mb bóp về tốc độ thông thường; sms chặn, thoại chặn
37	Tracking	tháng	M2M120	60.000	120,000	Cước tháng: 120.000đ; 1,5Gb/tháng, hết bóp băng thông về tốc độ thông thường, chặn thoại, chặn SMS
38	Tracking	tháng	M2M200	60.000	200,000	Cước thuê bao:60000đ; Lưu lượng data:3GB, hết lưu lượng tốc độ cao bóp về tốc độ thông thường; Thoại:Chặn; SMSChặn
39	Tracking	tháng	M2M120S	60.000	120.000	100 GB tốc độ cao, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách SMS: Mở đi và mở đến. Cước: 300đ/SMS nội; 350đ/SMS ngoại; 2.5000đ/SMS quốc tế

40	Tracking	tháng	M2M200S	60.000	200.000	200 GB tốc độ cao, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách SMS: Chặn đi, mở đến. Cước: 300đ/SMS nội; 350đ/SMS ngoại; 2.5000đ/SMS quốc tế
41	Tracking	tháng	M2M250S	60.000	250.000	300 GB tốc độ cao, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách SMS: Chặn đi, mở đến. Cước: 300đ/SMS nội; 350đ/SMS ngoại; 2.5000đ/SMS quốc tế
42	Tracking	tháng	M2M300S	60.000	300.000	400 GB tốc độ cao, hết bóp 256/256. LL chỉ truy cập IP theo danh sách SMS: Chặn đi, mở đến. Cước: 300đ/SMS nội; 350đ/SMS ngoại; 2.5000đ/SMS quốc tế
43	Tracking	30 ngày	D20N	50.000	20.000	20000đ có 100 MB lưu lượng tốc độ cao, hết bóp băng thông 64/64
44	Tracking	180 ngày	6M10_100M	50.000	60.000	100MB/ 30 ngày, hết dừng truy cập Miễn phí 10 SMS nội mạng/30 ngày
45	Tracking	360 ngày	12M10_100M	50.000	120.000	100MB/ 30 ngày, hết dừng truy cập Miễn phí 10 SMS nội mạng/30 ngày
46	Tracking	180 ngày	6M15_300M	50.000	90.000	100MB/ 30 ngày, hết dừng truy cập Miễn phí 10 SMS nội mạng/30 ngày
47	Tracking	360 ngày	12M15_300M	50.000	180.000	300MB/ 30 ngày, hết dừng truy cập Miễn phí 10 SMS nội mạng/30 ngày
48	Tracking	180 ngày	6M12_200M	50.000	72.000	200 MB/30 ngày, hết ngừng truy cập Miễn phí 10 SMS nội mạng/30 ngày.
49	Tracking	360 ngày	12M12_200M	50.000	144.000	200 MB/30 ngày, hết ngừng truy cập Miễn phí 10 SMS nội mạng/30 ngày.
50	Tracking	180 ngày	6M18_500M	50.000	108.000	500 MB/ 30 ngày, hết ngừng truy cập Miễn phí 10 SMS nội mạng/30 ngày.
51	Tracking	360 ngày	12M18_500M	50.000	216.000	500 MB/ 30 ngày, hết ngừng truy cập Miễn phí 10 SMS nội mạng/30 ngày.
52	Tracking	180 ngày	6M20_800M	50.000	120.000	800 MB/30 ngày, hết dừng truy cập Miễn phí 10 SMS nội mạng/30 ngày.
53	Tracking	360 ngày	12M20_800M	50.000	240.000	800 MB/30 ngày, hết dừng truy cập Miễn phí 10 SMS nội mạng/30 ngày.